

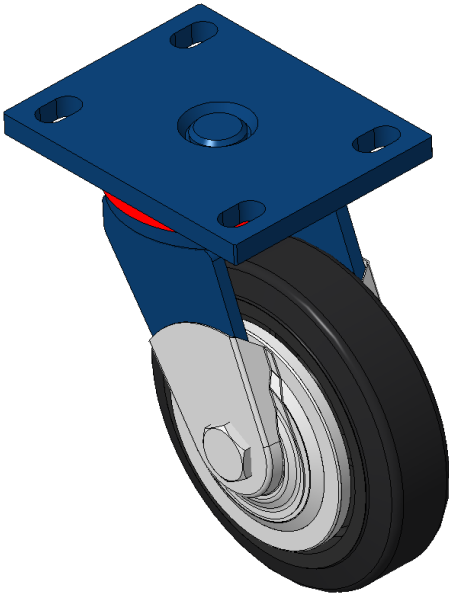


1102 Series — LOẠI CÀNG KIỂU B

Bánh xe NBR (phay đen) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh xe 150 x 40mm

EAN

KS-11020600042021



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

Bánh xe xoay với khung thép hàn  
Hoàn thiện sơn xanh, lắp đế, khoảng cách lỗ 110x75mm  
Lõi gang, mặt cao su đàn hồi cao chất lượng cao, phay đen  
Vòng bi bánh xe—vòng bi chính xác với nắp bánh xe chống quăn đặc biệt

Bề mặt bánh xe: Được làm bằng cao su chất lượng cao và có độ đàn hồi cao  
Lõi bánh xe: lõi sắt/lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.

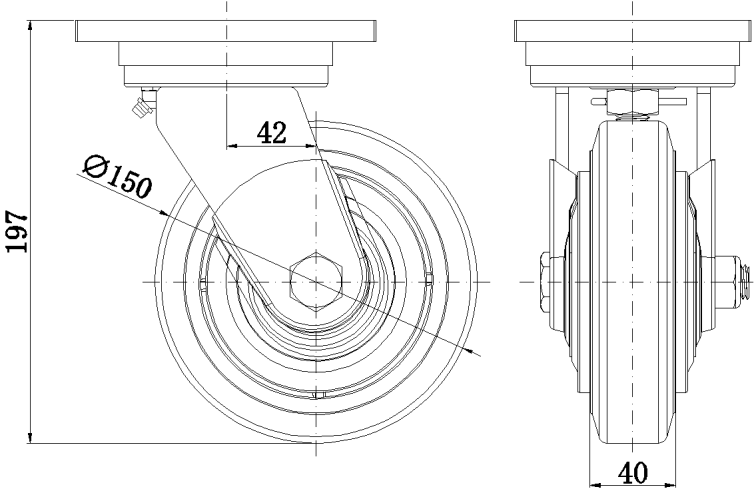
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 150mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 40mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 140 x 110mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 110x75mm                    |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 22 x 13mm                   |
| Độ lệch tâm                                                               | 42mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 240mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 197mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 120mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 85±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 350kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 525kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +80°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 4.49kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

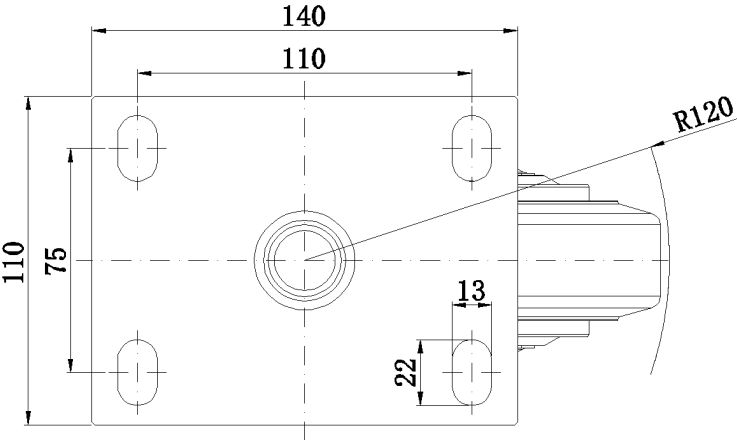
Tổng quan ưu điểm

|                      |                                                                                                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ di chuyển mượt mà | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/>            |
| Chế độ im lặng       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| Bảo vệ mặt sàn       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét